

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NGUYÊN TẮC CHIẾM HỮU THỰC SỰ

 LÊ VĂN BÌNH*

Ngày nhận: 12/6/2019

Ngày phản biện: 15/7/2019

Ngày duyệt đăng: 29/7/2019

Tóm tắt: Việt Nam đã xác lập chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách tự nhiên và hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong quốc tế công pháp. Mặc dù có nhiều biến cố của lịch sử nhưng trên cơ sở của nguyên tắc này trong quốc tế công pháp, Hoàng Sa và Trường Sa luôn là một bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam.

Bài viết nhằm hưởng ứng “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam” và “Tháng hành động vì môi trường” năm 2019 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Từ khóa: Quần đảo Hoàng Sa; quần đảo Trường Sa; nguyên tắc chiếm hữu thực sự; luật quốc tế (quốc tế công pháp)

PARACEL AND SPRATLY ISLANDS FROM THE PRINCIPLE OF EFFECTIVE OCCUPATION PERSPECTIVE

Abstract: Vietnam has established the sovereignty over Paracel and Spratly Islands, in a natural way which is completely in accordance with the Principle of Effective Occupation. Although there have been many history events, on the basis of this principle within Public International Law, these two archipelagos are always an integral part of Vietnam sovereignty.

Keywords: Paracel Islands; Spratly Islands; the Principle of Effective Occupation; International Law (public international law).

1. Nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế

Trước thế kỷ XV, các quốc gia mở rộng lãnh thổ theo quy luật của “kẻ mạnh”, tức là sử dụng vũ lực và xâm chiếm lãnh thổ bằng vũ lực. Từ thế kỷ XV, các cường quốc về hàng hải như Tây Ban Nha và

Bồ Đào Nha đã thực hiện các cuộc thám hiểm nhằm tìm kiếm các vùng đất mới còn lạc hậu so với các quốc gia văn minh.

Với quan điểm tất cả đất đai thuộc về Chúa, thiên chúa giáo mà đại diện là Đức Giáo Hoàng, người có quyền quyết định việc truyền đạo và sử dụng đất đai, đã ban hành nhiều sắc lệnh phân chia các phần đất đai trên thế giới. Lịch sử đã ghi nhận nhiều sắc lệnh phân chia đất đai của Đức Giáo Hoàng¹.

Các Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng chỉ mang lại quyền lợi cho Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, mà không tính đến quyền lợi của các quốc gia khác ở châu Âu. Pháp, Anh và Hà Lan cũng đưa các đội tàu của mình đi khắp thế giới để tìm kiếm thuộc địa, theo họ điều kiện chủ yếu của việc chiếm hữu lãnh thổ vô chủ phải là quyền khám phá trước tiên. Do đó, các Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng dần dần không được thực thi trong thực tiễn. Đây chính là tiền đề làm xuất hiện một quan điểm mới về chiếm cứ lãnh thổ, tức là quốc gia nào phát hiện ra vùng đất mới vô chủ đầu tiên thì quốc gia đó được ưu tiên có quyền sở

¹ Ví dụ như: 1) Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng Adrian IV (năm 1155) trao quyền cho Henry II vào đảo Ireland để chinh phục dân chúng bằng pháp luật và trừng phạt thói vô đạo nhằm bảo vệ các quyền của Giáo hội (The Bull of Pope Adrian IV Empowering Henry II to Conquer Ireland. <http://avalon.law.yale.edu/medieval/bullad.asp>); 2) Sắc lệnh Romanus Pontifex (08/01/1455) của Đức Giáo hoàng Nicolas V ban cho vua Bồ Đào Nha tất cả các vùng đất phía sau Cape Bojador và cho phép giảm dân ngoại đạo và những kẻ chống lại Chúa Kitô (Catholic Church and the Age of Discovery. http://en.wikipedia.org/wiki/Catholic_Church_and_the_Age_of_Discovery); 3) Sắc lệnh Inter Caetera (01/5/1493) của Đức Giáo hoàng Alexander VI ban cho Tây Ban Nha những vùng đất mới khám phá và Sắc lệnh Inter Caetera (04/5/1493) phân chia đất giữa hai quốc gia Bồ Đào Nha (phía Đông) và Tây Ban Nha (phía Tây) (Samuel Edward Dawson. The lines of demarcation of Pope Alexander VI and the Treaty of Tordesillas, Toronto, 1899, Vol 5, p.533)

* Trường Đại học Công đoàn

hữu, người ta gọi đó là thuyết quyền phát hiện² (hay thuyết tiên chiếm giả định³).

Tuy nhiên, trên thực tế, thuyết quyền phát hiện không đem lại cho quốc gia một chủ quyền lãnh thổ thực sự vì các điều kiện của thuyết này còn thiếu thuyết phục. Đây chính là lý do làm xuất hiện thuyết về quyền chiếm hữu tượng trưng với người khởi xướng là luật gia nổi tiếng Hugo Grotius (Hà Lan), Hugo Grotius đã vận dụng những khái niệm về quyền sở hữu tài sản trong luật La Mã vào lĩnh vực chủ quyền lãnh thổ. Theo đó, quốc gia phát hiện ra vùng đất mới phải thực hiện một số hành vi mang tính tượng trưng, phải để lại dấu vết của họ, như đặt bia chủ quyền, cột cờ, thực hiện các nghi lễ quốc gia và đưa ra tuyên bố. Các nhà nghiên cứu gọi đó là thuyết quyền chiếm hữu tượng trưng⁴ hay chiếm cứ hình thức⁵ hoặc khám phá với sự chiếm đóng giả định⁶.

Như vậy, để một vùng đất vô chủ được coi là lãnh thổ thuộc chủ quyền của quốc gia đã phát hiện ra nó (mà không cần thiết lập sự kiểm soát trên thực tế) cần phải có hai điều kiện: *một là*, điều kiện về vật chất (corpus), tức là phải có sự tiếp xúc vật chất giữa người chiếm hữu và đối tượng bị chiếm hữu; và *hai là*, điều kiện về tinh thần (animus rem sibi habendi), tức là người chiếm hữu phải biểu thị ý chí của mình bằng hành động muốn chiếm hữu lãnh thổ ấy.

Cùng với sự phát triển nhu cầu về thuộc địa và thị trường là sự xuất hiện các mâu thuẫn lợi ích về thị phần lãnh thổ giữa các cường quốc công nghiệp phát triển, thuyết chiếm hữu tượng trưng đã bộc lộ những hạn chế và không được chấp nhận làm luận cứ để thủ đắc chủ quyền lãnh thổ, nên đã làm phát sinh nguyên tắc chiếm hữu thực sự (hay còn gọi là chiếm cứ hữu hiệu)⁷. Để giải quyết việc tranh chấp những vùng đất rộng lớn thuộc Congo (châu Phi), 13 quốc gia châu Âu và Hoa Kỳ đã tổ chức hội nghị ở Berlin và thông qua Định ước Berlin (ngày 26/02/1885) về châu Phi, trong đó đã ghi nhận nội dung của nguyên tắc chiếm hữu thực sự và các điều kiện chủ yếu cần có cho việc chiếm hữu thực sự trên những vùng duyên hải lục địa châu Phi⁸. Nguyên tắc này tiếp tục được nhấn mạnh trong Tuyên bố của Viện pháp luật quốc tế Lausanne (Thụy Sĩ) năm 1888, tức là mọi sự chiếm hữu muốn tạo nên một danh nghĩa sở hữu độc quyền thì phải là thực sự, phải thực tế, chứ không phải là danh nghĩa.

Đầu đầu thế kỷ XX, với lý do trên thế giới không còn lãnh thổ vô chủ, các cường quốc đã ký kết Hiệp ước Saint German (10/9/1919) về chấm dứt hiệu lực của Định ước Berlin (26/02/1885), tuy nhiên nội dung của các điều 34 và 35 nói trên vẫn được chấp nhận làm cơ sở cho luật quốc tế về chủ quyền lãnh thổ,

tức là vẫn được coi là tiêu chí để xác lập chủ quyền lãnh thổ trên các vùng đất mới⁹. Những giá trị tiến bộ có tính pháp lý của nguyên tắc chiếm hữu lãnh thổ đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của các chính phủ và các luật gia luật quốc tế. Việc Viện pháp luật quốc tế ra Tuyên bố (07/9/1888) về chiếm cứ lãnh thổ, đã làm cho nguyên tắc chiếm hữu thực sự có giá trị phổ biến¹⁰.

Trong thực tiễn pháp lý quốc tế, nguyên tắc chiếm

² Hoàng Trọng Lập. Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và luật pháp quốc tế. Luận án Tiến sĩ, Đại học KHXH và NV, ĐHQG Hà Nội, 1996.

³ Đinh Phan Cư. Chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Luận văn tốt nghiệp, Học viện quốc gia hành chính, Sài Gòn, 1972, tr.70.

⁴ Hoàng Trọng Lập. Luận án đd, 1996.

⁵ Giáo trình luật quốc tế. Trường ĐH Luật Hà Nội, 1994, tr.186.

⁶ Từ Đẳng Minh Thu. Cuộc tranh chấp về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa các vấn đề pháp lý. Luận văn tốt nghiệp. Trường ĐH Luật, kinh tế và KHXH, Paris, 1974.

⁷ Minh Nghĩa. Pháp luật quốc tế đối với vấn đề thiết lập chủ quyền lãnh thổ trên các lãnh thổ vô chủ. Viện lịch sử quân sự Việt Nam, 1988, tr.45; Giáo trình luật quốc tế. Trường ĐHL Hà Nội, 1994, tr.187.

⁸ Cụ thể như sau: *một là*, một quốc gia thành viên nào đó chiếm hữu một vùng lãnh thổ mới ở châu Phi phải thông báo cho các nước ký kết Định ước biết, để các nước đã chiếm đóng trước có điều kiện đối chiếu, khi có chồng lấn thì thực hiện quyền phản đối. Nước chiếm hữu vùng đất mới phải công khai hành vi chiếm hữu của mình để tạo điều kiện cho các cường quốc ký kết Định ước thực hiện các yêu sách của mình nếu có (đ.34); *hai là*, quốc gia chiếm hữu phải bảo đảm sự tồn tại một quyền lực quốc gia tại vùng lãnh thổ chiếm hữu để thi hành luật pháp, và khi cần thiết để bảo vệ tự do buôn bán và quá cảnh trong các điều kiện đã được quy định (đ.35). The Treaty of Berlin, 1885, article 34, 35.

⁹ Hiệp ước Saint German (1919) nhấn mạnh rằng các bên có nghĩa vụ duy trì các quyền lực của công lý, lực lượng cảnh sát có đủ khả năng bảo vệ người, tài sản, tự do thương mại và quá cảnh khi cần. The American Journal of International Law (Oct., 1921), Convention Revising the General Act of Berlin, February 26, 1885, and the General Act and Declaration of Brussels, July 2, 1890, Vol. 15, No. 4, article 10. <http://wysinger.homestead.com/berlin-conference-doc.html>.

¹⁰ Theo đó, việc chiếm cứ lãnh thổ sẽ không được công nhận có hiệu lực nếu không tuân thủ các điều kiện sau đây: (a) việc chiếm cứ một lãnh thổ phải được thực hiện dưới danh nghĩa chính phủ và trong một ranh giới xác định; (b) phải chính thức thông báo về hành động chiếm cứ. Việc chiếm hữu được hoàn thành khi và chỉ khi quốc gia chiếm hữu đã thiết lập được một quyền lực địa phương hợp lý, có những biện pháp thích hợp để duy trì trật tự và đảm bảo thực thi quyền lực nhà nước thường xuyên trong ranh giới lãnh thổ đã chiếm hữu (Carnegie Endowment for International Peace. Resolutions of the Institute of international law. New York Oxford University Press, 1916, p.86-87, article 1.)

hữu thực sự đã được các cơ quan tài phán quốc tế áp dụng và viện dẫn để giải quyết nhiều vụ tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia¹¹.

2. Nội dung nguyên tắc chiếm hữu thực sự

Đối tượng chiếm hữu phải là vùng đất vô chủ, vùng đất mà tại thời điểm chiếm hữu không đặt dưới sự quản trị và không thuộc chủ quyền của bất cứ một quốc gia nào. Điều này có thể được lý giải như sau:

Một là, đây là vùng đất không có người lui tới, vùng đất tự nhiên khi được chiếm hữu là hoang vu và không có người sinh sống, vùng đất vô chủ theo đúng nghĩa đen của nó. Vùng đất ở đây được hiểu theo quy nạp ước lệ, có thể là đất đai, các đảo đá lớn nhỏ và chưa thuộc chủ quyền của bất kỳ một quốc gia nào;

Hai là, vùng đất có dân cư sinh sống nhưng được coi là vô chủ, tức là chưa được quản trị bởi một trong các chủ thể của luật quốc tế (khi đó là các quốc gia văn minh), còn đối với các tổ chức cộng đồng xã hội lạc hậu khác được xem là cần phải khai phá văn minh và không được coi là nhà nước có chủ quyền.

Ba là, vùng đất không có cư dân sinh sống thường xuyên nhưng vẫn có người lui tới, qua lại, có thể là những người dân chài, người săn bắt qua lại theo mùa và nghỉ lại trong kỳ săn bắt v.v... thì vùng đất đó cũng không được coi là vùng đất có người ở. Phương Tây coi vùng đất này là vùng đất vô chủ (terra nullius)¹².

Chủ thể chiếm hữu phải là nhà nước, hành vi nhân danh cá nhân không được luật quốc tế công nhận. Chủ quyền quốc gia là phạm trù gắn với nhà nước, là đặc trưng của nhà nước, nhưng nhà nước không phải là thực thể tự nhiên nhân mà hoạt động thông qua những con người thừa hành công vụ. Điều này đã được minh định trong Tuyên bố Laussane năm 1888¹³. Như vậy, phương thức thực địa lãnh thổ thực sự chỉ được công nhận khi và chỉ khi có sự kết hợp của các hành vi: hành vi phát hiện ra vùng đất vô chủ và ý thức chiếm hữu có hiệu quả¹⁴.

Theo nội dung của Hiệp ước Saint German (1919) thì các bên kết ước có nghĩa vụ duy trì quyền lực công lý và một lực lượng cảnh sát có đủ khả năng để bảo vệ con người, bảo vệ tài sản khi cần, đảm bảo tự do thương mại và quá cảnh trên vùng đất chiếm hữu¹⁵. Nếu quốc gia phát hiện không thực thi các hành vi chủ quyền trên vùng đất đó thì chưa đáp ứng các tiêu chí của hiệp ước quy định¹⁶.

Cách thức mà quốc gia hành xử trên vùng đất chiếm hữu là một trong những tiêu chí quan trọng của nguyên tắc chiếm hữu thực sự. Quốc gia chiếm

hữu phải duy trì các hành vi chủ quyền một cách liên tục và hòa bình. Đối với những lãnh thổ có điều kiện tự nhiên khó khăn, không có người ở hoặc ít khi có người đến, hoặc đối với những vùng đất không có đại diện Nhà nước thường xuyên nhưng quyền chiếm hữu đã được xác thực bằng các văn bản pháp lý chính thức, được biên chế vào hệ thống địa lý hành chính và quốc gia chiếm hữu đã có những hành vi thực hiện chủ quyền thực sự rõ ràng thì vùng đất đó không thể coi là vùng đất vô chủ¹⁷.

Nguyên tắc chiếm hữu thực sự đòi hỏi quốc gia chiếm hữu phải thực hiện hành vi chiếm hữu bằng phương thức hòa bình, không được dùng vũ lực hoặc chiến tranh. Cần chú ý rằng lãnh thổ quốc gia là bất khả xâm phạm, quốc gia khác không được sử dụng hay đe dọa bằng vũ lực để xâm lấn, tước đoạt lãnh thổ thuộc chủ quyền của quốc gia khác¹⁸.

Nguyên tắc chiếm hữu thật sự yêu cầu quốc gia tìm ra vùng đất mới phải có tính công khai, tức là

¹¹ Ví dụ như: phán quyết của Trọng tài thường trực quốc tế La Haye (1928) về vụ tranh chấp đảo Palmas (hay Miangas) giữa Mỹ và Hà Lan; các phán quyết của Tòa án quốc tế về vụ tranh chấp đảo Clipperton giữa Mexico và Pháp (1931), vụ tranh chấp đảo Greenland giữa Đan Mạch và Na Uy (1933) và vụ tranh chấp các đảo Minquiers và Ecrehous giữa Anh và Pháp (1953)

¹² Monique Chemillier - Gendreau. Sdd, 2011, tr.71.

¹³ Carnegie Endowment for International Peace. Resolutions of the Institute of international law. New York Oxford University Press, 1916, p.86-87.

¹⁴ Định ước Berlin và Tuyên bố Laussane đã quy định rằng quốc gia chiếm hữu lãnh thổ trước hết phải thực hiện hành vi thông báo (đ.34 Định ước; đ.1 Tuyên bố Laussane) và sau đó phải có nghĩa vụ thiết lập một quyền lực đủ thích hợp để bảo vệ các quyền đang có trong vùng chiếm hữu (đ.35 Định ước).

¹⁵ The American Journal of International Law (Oct., 1921), Convention Revising the General Act of Berlin, February 26, 1885, and the General Act and Declaration of Brussels, July 2, 1890, Vol. 15, No. 4, article 10. <http://wysinger.homestead.com/berlin-conference-doc.html>.

¹⁶ Trong vụ đảo Palmas (Miangas), Tòa trọng tài đã nhận xét rằng: chủ quyền lãnh thổ của một quốc gia được thể hiện bằng sự chấp quyền hành xử của quốc gia đó, quyền này gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ của quốc gia trong việc bảo vệ lãnh thổ, đó là quyền toàn vẹn và bất khả xâm phạm lãnh thổ, kể cả trong thời bình và trong thời chiến (The island of Palmas case, 1928, dd).

¹⁷ Hoàng Trọng Lập. Luận án đđ, 1996.

¹⁸ Phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ tranh chấp đảo Palmas đã minh chứng cho lý luận và thực tiễn về chủ quyền lãnh thổ, tức là một lãnh thổ để được công nhận thuộc chủ quyền của một quốc gia thì quốc gia đó phải thể hiện sự chiếm hữu một cách liên tục và bằng phương thức hòa bình, kể cả hòa bình trong mối quan hệ với các quốc gia khác (The island of Palmas case, 1928, dd).

phải có hành vi thông báo chính thức của nhà nước theo thông lệ, hoặc thông qua các kênh ngoại giao (Đ.34 Định ước Berlin; Đ.1 Tuyên bố Laussane). Việc thông báo chính là một bước của sự công khai hóa chủ ý chiếm hữu lãnh thổ, thể hiện tính minh bạch trong việc xác lập chủ quyền, nếu không có sự phản đối của một quốc gia nào thì có nghĩa là lãnh thổ đó không có tranh chấp và vùng đất đó thực sự được coi là vô chủ ở thời điểm chiếm hữu¹⁹.

Như vậy, nguyên tắc chiếm hữu thực sự chỉ được quốc tế công nhận trong thực tiễn khi quốc gia chiếm hữu lãnh thổ đáp ứng đầy đủ các điều kiện: (1) đối tượng chiếm hữu phải là vùng đất vô chủ tại thời điểm chiếm hữu; (2) chủ thể chiếm hữu một vùng đất vô chủ chỉ có thể là quốc gia (nhà nước), cá nhân không thể là chủ thể của việc chiếm hữu lãnh thổ vô chủ; và (3) hành vi chiếm hữu lãnh thổ vô chủ phải công khai, có tính liên tục và hòa bình.

3. Vấn đề xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa theo nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong quốc tế công pháp

Nghiên cứu nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế cận đại và đương đại, chúng ta thấy rằng Việt Nam là quốc gia đầu tiên chiếm hữu và khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và việc chiếm hữu đã được thực hiện hoàn toàn phù hợp với các định chế của luật pháp quốc tế. Điều đó đã được minh chứng và ghi nhận trong rất nhiều văn bản và các ấn phẩm khoa học trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

Một là, văn bản cổ còn lưu giữ là *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư*, trong quyển 1 có bản đồ do Đỗ Bá - viên quan tri huyện Thạch Hà²⁰ vẽ vào giữa thế kỷ XVII, có chú thích rằng giữa biển có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài tới 400 dặm, rộng 20 dặm. (...) Họ Nguyễn mỗi năm vào cuối mùa Đông đưa 18 chiếc thuyền đến đây lấy hàng hoá, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn²¹;

Hai là, trong *Phủ Biên Tạp Lục* do Lê Quý Đôn - viên quan từng làm Tổng Tài Quốc Sử quán (cơ quan biên soạn sách sử của triều đình) có đề cập đến việc Chúa Nguyễn đặt ra một tổ chức khai thác và quản lý quần đảo Hoàng Sa, theo đó họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cất phiên mỗi năm cứ tháng hai nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, ... ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đồ, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên...²²;

Ba là, *Chi thị ngày 14/02/1786* của Thái Phó

Tổng Lý Quân Binh Dân Chư Vụ Thượng Tướng Công gửi cho cai đội Hoàng Sa đã thể hiện sự quân sự hóa đội Hoàng Sa, củng cố thêm sức mạnh cho đội này, cụ thể như sai Hội Đức Hầu, cai đội Hoàng Sa, luôn xem xét, đốc suất trong đội cấm biển hiệu thủy quân, cưỡi bốn chiếc thuyền câu vượt biển, thẳng đến Hoàng Sa...²³. Như vậy, đến thời điểm này, đội Hoàng Sa đã được nâng tầm "thủy quân", điều đó đã minh chứng rằng không chỉ dừng lại ở việc khai thác sản vật, đội Hoàng Sa đã trở thành cơ quan được nhà nước giao trọng trách bảo vệ lãnh thổ Đại Trường Sa;

Bốn là, các ghi chép trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú (1821) và *Hoàng Việt Địa Dư Chí* (khuyết danh) đã thể hiện nhất quán, mang tính khẳng định nội dung những thông tin đã được ghi nhận trước đó.

Việc Việt Nam chiếm hữu và khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa còn được thực hiện thông qua các hoạt động khảo sát, đo đạc thủy trình, đặt bia, mốc chủ quyền và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế.

Đại Nam Thực Lục, là bộ chính sử do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn, gồm 2 phần *Đại Nam Thực Lục Tiến Biên* (1844) và *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (1848)²⁴. Theo đó, *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* tại quyển 50 đã ghi rằng tháng giêng năm Ất Hợi (tức 1815), Vua sai Phạm Quang Anh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy

¹⁹ Phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ đảo Palmas đã khẳng định rằng nếu một quốc gia nào đó mà bí mật thực hiện việc chiếm hữu đối với một lãnh thổ đã có người ở trong một thời gian dài sẽ không được chấp nhận. The island of Palmas case, 1928, đd; ví dụ, hòn đảo ở Biển Bắc do Anh chiếm hữu, lợi dụng việc quản lý và bảo vệ đảo có lúc lỏng lẻo, một quốc gia khác đã đến chiếm đảo, xây dựng ở đó một cơ sở đánh bắt và chế biến cá voi khá lớn, rồi tuyên bố chủ quyền của mình đối với hòn đảo đó. Tòa án quốc tế đã phán quyết trả lại chủ quyền cho Anh vì việc chiếm hữu một vùng đất đã có chủ là hành động bất hợp pháp. Vũ Phi Hoàng. Vấn đề chủ quyền lãnh thổ trong luật pháp và tập quán quốc tế. Tạp chí Công pháp quốc tế, Paris, 1975.

²⁰ Người vẽ bản đồ Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thế kỷ XVI (10/12/2007). http://hodovietnam.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=585&Itemid=32.

²¹ Hán Nguyên. Những sử liệu chữ Hán minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua nhiều thế kỷ. Tập san sử địa (29), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn. 1975, tr.115.

²² Nguyễn Nhã. Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Luận án tiến sĩ lịch sử, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2002; Hán Nguyên. Sđd, tr.121-122

²³ Nguyễn Nhã. Luận án tiến sĩ đd, 2002.

²⁴ Hán Nguyên. Sđd, tr.131.

trình...; còn quyển 52 viết rằng vào năm Bính tý, niên hiệu Gia Long thứ 15 (tức 1816)... Vua ra lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để xem xét và đo đạc thủy trình...; hoặc tháng 8, mùa thu, năm Quý ty, Minh Mạng thứ 14 (tức 1833), Vua bảo với Bộ Công rằng: dải Hoàng Sa trong hải phận Quảng Ngãi, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường bị hại. Nay nên dự bị thuyền bè đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia, trồng nhiều cây cối; quyển 154 cũng ghi chép việc Minh Mạng sai Phạm Văn Nguyên đến dựng miếu, bia đá tại một cồn cát thuộc Hoàng Sa vào năm 1835; quyển 165 ghi lại việc Minh Mạng sai Phạm Hữu Nhật đi đo đạc xứ Hoàng Sa vào năm 1836²⁵.

Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ (1851), là cuốn sách được nhà vua sai các triều thần ghi chép, trong đó ghi nhận năm 1835 Vua cho dựng miếu Hoàng Sa một gian tại cồn Bạch Sa²⁶.

Châu bản triều Nguyễn (thế kỷ XIX), có những bản tấu, phúc tấu của các đình thần các bộ như bộ Công, bộ Hộ và các cơ quan khác hay những Dụ của các nhà vua về việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Ví dụ, *Dụ ngày 18/7/1835* về việc phạt cai đội Hoàng Sa Phạm Văn Nguyên 80 trường, và thưởng một số người khác; *Phúc tấu của Bộ Công ngày 12/02/1836* được Minh Mạng phê cử Phạm Hữu Nhật dẫn đầu đoàn đem theo 10 tấm bài gỗ mỗi thuyền đi cắm cột mốc để lưu dấu; *Dụ ngày 13/7/1837* về việc phái thủy sư, giám thành, binh dân hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định đi Hoàng Sa đo đạc, cắm mốc, vẽ họa đồ; *Tấu của Bộ Công ngày 21/6/1838* về việc thám sát và vẽ lại chi tiết bản đồ ở Hoàng Sa; và *Tấu của Bộ Công ngày 28/12/1847* xin dự chỉ định hoãn việc vãng thám Hoàng Sa²⁷ v.v...

Đại Nam Nhất Thống Chí, do vua Tự Đức chỉ thị biên soạn và hoàn thành năm 1882, được in năm 1910. Quyển 6 viết về tỉnh Quảng Ngãi có nội dung về đội Hoàng Sa như các sách đã viết trước đó, đồng thời cũng ghi chép việc Minh Mạng sai binh lính xây dựng chùa, bia tại Hoàng Sa²⁸.

Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu của Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn đã ghi lại lịch sử giai đoạn 1761-1888 (trong đó có nhiều nội dung tương tự *Đại Nam thực Lục Chính Biên*) được vua Khải Định cho Bộ Học dịch ra chữ quốc ngữ để đưa vào giảng dạy năm 1924. Quyển 3 viết nội dung xây miếu, dựng bia trên một cồn của quần đảo Hoàng Sa, cạnh một miếu cũ có bia đá khắc bốn chữ "Vạn Lý Ba Bình" và nhắc lại việc Phạm Hữu Nhật năm 1836 khảo sát, ghi chép, dùng thẻ gỗ đánh dấu, vẽ bản

đồ²⁹. Sách đã ghi rằng ... đến bãi Hoàng Sa, không nề hòn cù lao nào, cồn nào, bãi dài, ngang rộng, bề cao, chu vi và bốn phía gần đó có đá ngầm hay không, hình thể mấy chỗ ấy có hiểm trở hay không? Từ cửa biển ra đó đường thủy đi mấy dặm, gần bờ biển huyện nào, đến đâu khám xét rõ ràng rồi cho cắm tiêu làm dấu vẽ bản đồ đem về dâng lên Ngài ngự lãm³⁰.

Quốc triều Chính Biên Toát Yếu còn ghi chép việc triều đình thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với những tàu đắm nước ngoài. Theo đó, tháng 12 năm Bính Thân, Minh Mạng thứ 17 (1836), tàu buôn nước Anh Cát lợi qua bãi Hoàng Sa bị cạn phải ghé vào bãi biển Bình Định với hơn 90 người. Việc này tấu trình lên nhà vua. Ngài bèn sai lựa nơi cho các người lâm nạn tạm trú và ban cấp tiền gạo cho họ, khiến chủ tàu cùng toàn thể thủy thủ rất cảm kích³¹.

Những dấu tích lịch sử của nhà Nguyễn còn được lưu lại đến sau này, ví dụ như: trên đảo Hoàng Sa còn một vài ngôi mộ binh sỹ thời Nguyễn đã hy sinh; một am thờ Đền Bà; một pho tượng Quan Âm³². Ngoài ra, các tên đảo cũng được đặt theo tên một số người có công khai phá thời Nguyễn như Quang Ảnh, Hữu Nhật, v.v...

Chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa còn được minh chứng bằng nhiều tài liệu và bản đồ chính thức và nửa chính thức của Trung Quốc. Ví dụ như, nhiều bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung quốc vẽ từ những năm 1909 trở về trước đều thể hiện Tây Sa (tức Hoàng Sa) và Nam Sa (tức Trường Sa) không thuộc về Trung Quốc, tất cả các bản đồ cổ ấy đều xác định đảo Hải Nam là điểm cực Nam của biên giới phía Nam của Trung Quốc. Đó là *Dư địa đồ* đời Nguyên của Chu Tư, được vẽ thu nhỏ lại trong sách *Quảng Dư đồ* của La Hồng Tiên quyển 1(1561); *Thiên Hạ Thống Nhất Chí Đồ* đời Minh trong *Đại Minh Nhất Thống Chí* (1461); *Hoàng Minh Đại Thống Nhất Thống Đồ* đời Minh, trong *Hoàng Minh Chức Phương Địa Đồ* của Trần Tổ Thụ (1635); *Lộ Phủ*, *Châu Huyện Đồ* đời Nguyên vẽ lại trong *Kim Cổ Dư Đồ* của Nguyễn Quốc Phụ đời Minh (1638); *Hoàng Triều Phủ Sánh*, *Châu, Huyện Toàn*

²⁵ Hân Nguyên. Sdd, tr.131-137.

²⁶ Hân Nguyên. Sdd, tr.137.

²⁷ Nguyễn Nhá. Luận án tiến sỹ đd, 2002.

²⁸ Hân Nguyên. Sdd, tr.140-141.

²⁹ Hân Nguyên. Sdd, tr.142-143.

³⁰ Lăng Hồ. Hoàng Sa và Trường Sa, Lãnh thổ Việt Nam. Tập san Sử Địa (29), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1975, tr.95.

³¹ Lăng Hồ. Sdd, tr.95.

³² Sơn Hồng Đức. Thử khảo sát về quần đảo Hoàng Sa. Tập san sử địa số 29, Sài Gòn, 1975, tr.186.

Đồ đời Thanh (khuyết danh, 1862), vẽ theo Nội Phủ Địa Đồ gồm 26 mảnh mang tên *Đại Thanh Trục Tỉnh Toàn Đồ*; *Hoàng Triều Nhất Thống Dư Địa Tổng Đồ* trong tập *Hoàng Triều Nhất Thống Dư Địa Tổng Đồ* (khuyết danh, 1894); *Đại Thanh Đế Quốc* trong tập *Đại Thanh Đế Quốc Toàn Đồ* do Thường Vụ Ấn Thư Quán Thượng Hải (1905); và *Đại Thanh Đế Quốc Vị Trí Khu Hoạch Đồ* (1909)³³.

Đến trước năm 1909, Trung Quốc chỉ coi cực nam của mình đến đảo Hải Nam. Phó vương Quảng Châu đã khẳng định Hoàng Sa không phải lãnh thổ Trung Quốc (1898)³⁴. Năm 1909, lần đầu tiên chính quyền Quảng Đông (Trung Quốc) đã tiến hành cho khảo sát Hoàng Sa, Đô đốc Lý Chuẩn đã thực hiện hành vi bắn súng, kéo cờ, thăm một vài đảo rồi rút về, các hành vi đó chỉ thể hiện cách hành xử thời kỳ xa xưa, giai đoạn chiếm hữu tượng trưng. Điều đó đã minh chứng rằng cho đến năm 1909 không có tranh chấp chủ quyền về Hoàng Sa và Trường Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hoàng Sa và Trường Sa đã và đang thuộc chủ quyền của Việt Nam và Việt Nam đã sở hữu các quần đảo này theo nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật pháp quốc tế³⁵.

Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa còn được minh chứng qua các tài liệu nước ngoài. Ví dụ như: *The modern part of an Universal History (nhiều tác giả)* xuất bản tại London năm MDCCLIX (tức 1759), trong phần viết về lịch sử Kochinchina đã ghi nhận những đảo đá có tên Pullos (như Pullo

Sicca và Pullo Secca de Mare, dịch theo Hoangsa.org tức đảo Phú Quý³⁶) nằm trong chuỗi thuộc Paracel³⁷ (tức là Hoàng Sa); *An historical account of the Embassy to the Emperor of China* của George Leonard Staunton xuất bản tại London năm 1797, tại Chương VII đã viết về Cochinchina, trong đó nói đến việc liên đội tàu đi tuần giữa rất nhiều dãy đảo, đá gọi là paracels³⁸; *A system of Geography* của Thomas Keith xuất bản tại London năm 1826 để làm tài liệu cho các trường học, trong phần Cochinchina đã viết về Paracels và các đảo nhỏ khác³⁹; cuốn sách *Univers, histoire et description de tuor le peuples, de leurs religions, moeurs et cuotumes* của Giám mục Taberd xuất bản năm 1833, trong đó đã ghi nhận về quần đảo Paracels (mà người Việt gọi là Cát Vàng) gồm rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau (...) đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong⁴⁰. Ngoài ra, trong *Journal of the Asiatic Society of Bengal* (số 6,7/1816) Giám mục Taberd đã đăng thông tin về việc vua Gia Long cấm cờ đánh dấu chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa mà không có nước nào tranh chấp (tập VI, tr.745)⁴¹.

Bài viết *Geography of Cochinchinese empire* đăng trong *Journal of the Geographical Society of London* (1849, p.93) đã ghi nhận việc An Nam tiến hành lập trạm thu thuế trên quần đảo Hoàng Sa, tài liệu này cũng ghi khá chính xác tọa độ địa lý quần đảo Hoàng Sa như hiện nay⁴².

ngày 15 hàng tháng. Tài liệu lưu trữ của Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa; *Bách Thư về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa, Saigon, 1975.

³⁶ <http://hoangsa.org/forum/downloads.php?do=file&id=301>.

³⁷ The modern part of an Universal History from the earliest Account of time (Vol VII), London, 1759, p.450.

³⁸ George Leonard Staunton. An historical account of the Embassy to the Emperor of China, London, 1797, p.152.

³⁹ Thomas Keith. A system of Geography. London, 1826, p.267-268.

⁴⁰ Thái Văn Kiểm. Những sử liệu phương Tây minh chứng chủ quyền của Việt Nam và quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa từ thời Pháp thuộc đến nay. Tập san Sử Địa (29), Sài Gòn, 1975, tr.34.

⁴¹ Theo đó, Pracel hoặc Paracels (Côn Vàng) - quần đảo này không có gì ngoài đá tảng và những cồn lớn nó hứa hẹn nhiều bất tiện hơn lợi, vua Gia Long đã nghĩ tặng lãnh thổ bằng cách chiếm thêm cái đất buồn bã này. Năm 1816, ông đã tới long trọng cấm cờ ông và chính thức giữ chủ quyền các hòn đá này, mà hình như không một ai tranh giành với ông. Hoàng Xuân Hãn. Quần đảo Hoàng Sa. Tập san Sử Địa (29), 1975, tr.11.

⁴² "... quần đảo Cát Vàng nó ở gần bờ bể An Nam 15 đến 20 dặm và lan giữa các vĩ tuyến 15 và 17 độ Bắc, và các kinh tuyến 111 và 113 độ Đông... Chính phủ An Nam thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đặt ra, bèn lập ra những trạm thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người nước ngoài tới đây đều phải trả, và để bảo trợ người đánh cá bản quốc". Hoàng Xuân Hãn. Bài đd, tr.12.

³³ Nguyễn Nhã. Luận án tiến sĩ, đd, 2002.

³⁴ Trong bức điện của Pasquier, Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng thuộc địa Pháp số 704-A.Ex ngày 20/3/1930 có thuật lại sự kiện các tàu Anh là Bellona và Huneji bị đắm năm 1898 tại quần đảo Hoàng Sa, xác tàu bị ngư dân Trung Quốc cướp phá nên Công sứ Anh tại Bắc Kinh đã khiếu nại, nhưng Phó vương Quảng Châu đã khẳng định Hoàng Sa không phải lãnh thổ Trung Quốc, theo ông quần đảo Hoàng Sa là những hòn đảo bị bỏ rơi, chúng không phải là sở hữu của cả Trung Quốc lẫn An Nam, cũng không sáp nhập về hành chính vào bất kỳ quận nào của Hải Nam. Monique Chemillier - Gendreau. Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. NXBCTQG Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.214; Đọc thêm: Bài báo "L'histoire moderne des îles Paracels" đăng trên tờ báo "L'Evell de l'Indochine" số 738 năm thứ 16, phát hành ngày 22/5/1932 tại Hà Nội. Tài liệu lưu trữ của Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa.

³⁵ Theo Hoà ước Giáp Thân (06/06/1884) giữa Triều đình Huế và Pháp về việc công nhận sự bảo hộ và thuộc địa của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, thì Pháp đã thay mặt Việt Nam trong quan hệ đối ngoại và đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, trong đó bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa. Như vậy, trong giai đoạn 1909-1933, Chính phủ Pháp ở Đông Dương liên tục thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ví dụ, năm 1930 thủy thủ đoàn trên tàu La Malicieuse đã đổ bộ lên nhiều đảo trong quần đảo Hoàng Sa để cắm cờ và mốc chủ quyền. Tìm đọc thêm: Báo "La Nature" số 2916 ngày 01/11/1933, phát hành ngày 01 và

Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa còn được minh định trong nhiều bản đồ cổ của phương Tây, ví dụ như *An Nam Đại Quốc Họa Đồ* của giám mục Taberd (1838) được đính sau cuốn Từ Điển Việt - Latinh (Latino - Anamiticum) có ghi chú “Paracels Seu” (Paracels có nghĩa là Cát Vàng)⁴³. Số lượng bản đồ minh chứng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam khá nhiều, ngày càng được phát hiện và đưa ra công bố trước công luận trong và ngoài nước⁴⁴.

4. Kết luận

Qua việc nghiên cứu Hoàng Sa và Trường Sa dưới góc nhìn của nguyên tắc chiếm hữu thực sự, chúng ta có thể đưa ra các kết luận cụ thể sau đây:

Thứ nhất, các bằng chứng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được minh chứng và ghi nhận trong đa dạng các loại tài liệu chính sử, các bài viết hoặc trong các ghi chép cá nhân, được thể hiện trên các bản đồ đã được công bố cả trong và ngoài nước, phù hợp với các giai đoạn lịch sử cận đại và đương đại. Điều đó đã tạo thành các chứng cứ pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ chủ quyền đối với các hải đảo của Việt Nam;

Thứ hai, phương thức mà Việt Nam đã sử dụng và áp dụng để chiếm hữu đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hoàn toàn phù hợp với nội dung của nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật pháp quốc tế (hay quốc tế công pháp), điều đó đã được ghi nhận trong Định ước Berlin (26/02/1885), Tuyên bố Laussane (07/9/1888) và được nhấn mạnh trong Hiệp ước Saint German (10/9/1919), cũng như phù hợp với thực tiễn phán quyết của cơ quan tài phán quốc tế khi giải quyết các tranh chấp quốc tế về chủ quyền hải đảo;

Thứ ba, Việt Nam đã chiếm hữu và hành xử chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn theo lẽ tự nhiên, rất thực tế, thông qua các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước, lập bản đồ quốc gia, đưa vào địa giới hành chính lãnh thổ, lập cơ quan thường trực khai thác sản vật, thủy quân hóa tương xứng với nhiệm vụ quản lý và bảo vệ biên giới hải đảo; thực hiện khảo sát, đo đạc; dựng miếu, bia, cắm mốc chủ quyền; lập trạm thu thuế và thực hiện trách nhiệm quốc tế, không có sự phản đối từ các quốc gia khác. Các hoạt động đó mang đặc trưng của nhà nước, có tính chất liên tục, công khai trong suốt một thời gian dài hàng thế kỷ mà không có sự phản đối nào từ nước ngoài, Việt Nam đã thể hiện việc quản lý một cách hữu hiệu vùng lãnh thổ chiếm hữu (Hoàng Sa và Trường Sa), hoàn toàn phù hợp

và đáp ứng với các tiêu chí của nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

1. Samuel Edward Dawson, The lines of demarcation of Pope Alexander VI and the Treaty of Tordesillas, Toronto, 1899, Vol 5, p.533.
2. Hoàng Trọng Lập, Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và luật pháp quốc tế. Luận án Tiến sĩ, Đại học KHXH và NV, ĐHQG Hà Nội, 1996.
3. Đinh Phan Cự, Chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Luận văn tốt nghiệp, Học viện quốc gia hành chính, Sài Gòn, 1972, tr.70.
4. Giáo trình luật quốc tế, Trường ĐHL Hà Nội, 1994, tr.186.
5. Từ Đặng Minh Thu, Cuộc tranh chấp về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa các vấn đề pháp lý, Luận văn tốt nghiệp. Trường ĐHL, kinh tế và KHXH, Paris, 1974.
6. Minh Nghĩa, Pháp luật quốc tế đối với vấn đề thiết lập chủ quyền lãnh thổ trên các lãnh thổ vô chủ, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 1988, tr.45; Giáo trình luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1994, tr.187.
7. The Treaty of Berlin, 1885, article 34, 35.
8. Hiệp ước Saint German (1919) về chấm dứt hiệu lực của Định ước Berlin năm 1885.
9. Carnegie Endowment for International Peace, Resolutions of the Institute of international law, New York Oxford University Press, 1916, p.86-87, article 1.
10. Monique Chemillier - Gendreau. Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, NXB CTQG Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

⁴³ Nguyễn Nhã. Luận án tiến sĩ đd, 2002.

⁴⁴ Theo Nguyễn Đình Đầu thì có 30 bản đồ thế giới cổ của phương Tây (1489-1697) mà ông và các cộng sự đã sưu tầm được, thì từ tám bản đồ thứ 4 (từ 1507) đều có ghi về Việt Nam với Biển Đông và quần đảo HS, TS... Lần đầu tiên trên bản đồ Frères Van Langren (1595) thấy Đại Việt chia ra 2 miền: Đàng Ngoài được phương Tây ghi là Tungkin (Đông Kinh, tên thành Thăng Long từ 1430) và Đàng Trong được ghi là Cochinchina (Nguyễn Đình Đầu. Giới thiệu một số bản đồ cổ thêm lục địa và hải đảo Việt Nam. http://www.viet-studies.info/kinhte/BienDong_NguyenDinhDau.htm); nhóm nghiên cứu đề tài Font tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với huyện đảo HS (Thành phố Đà Nẵng) đã sưu tầm 56 bản đồ cổ phương Tây có vẽ về HS của Việt Nam. Ví dụ bản đồ do Homann Heirs (1744) trên đó quần đảo HS được ghi chú là “I. Ciampa”, nghĩa là “quần đảo (thuộc vương quốc) Ciampa”, chỉ xứ Đàng Trong theo quan niệm của người phương Tây cho rằng đây là đất cũ của vương quốc Champã; bản đồ do Van de Kusten (1754) có tên là *Kaart van Cochinchine, van Tunquin* (Bản đồ Đàng Trong, Đàng Ngoài) đã thể hiện toàn bộ quần đảo HS và TS là những phần lãnh thổ thuộc vương quốc Cochinchine (Trần Đức Anh Sơn. Phát hiện 56 bản đồ cổ phương Tây về HS của Việt Nam, 2012. <http://infonet.vn/Thoi-su/Du-luan/Phat-hien-56-ban-do-co-phuong-Tay-ve-Hoang-Sa-cua-Viet-Nam/25471.info>).

(Xem tiếp trang 41)

hạn chế được tình trạng lạm dụng mượn thẻ BHYT của người khác để khám chữa bệnh.

Bốn là, nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho ngành y. Đây là một trong những ngành cao quý, nhằm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Vì vậy, trong giáo dục đào tạo cần phải chú trọng giáo dục y đức cho người thầy thuốc, giống như Bác Hồ từng nói: "Lương y phải như từ mẫu".

Năm là, thanh kiểm tra thật chặt chẽ trong việc đấu thầu giá thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh theo đúng nguyên tắc thị trường.

Sáu là, cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Y tế, cơ quan Thanh tra, Công an để thanh kiểm tra tình trạng lạm dụng, trục lợi bảo hiểm. Khi phát hiện sai phạm, tùy từng mức độ, có thể xử phạt hành chính hoặc phải được hình sự hóa theo quy định của Bộ luật Hình sự về hành vi vi phạm pháp luật BHYT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Trong xử phạt phải xử lý thật nghiêm, công khai, minh bạch.

Bảy là, Khi phát hiện các cơ sở y tế có hành vi trục lợi BHYT thì cơ quan bảo hiểm xã hội sẽ không ký hợp đồng khám chữa bệnh với cơ sở y tế đó.

Tám là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách BHYT. Việc phát triển BHYT đã

được thể hiện trong các văn bản, Nghị quyết của Đảng, đặc biệt trong Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020. Do vậy, việc thực hiện chính sách BHYT không phải là chuyện riêng của ngành bảo hiểm xã hội mà phải có sự vào cuộc của các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị. □

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2012), Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020.
2. Bộ Y tế - Tài chính (2015), Thông tư Liên tịch số 37/2015-BYT-BTC ngày 29/10/2015 về Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986, 1996, 2001, 2006, 2011), Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VIII, IX, X, XI.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật số 25/2008/QH12, Luật BHYT.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật số 46/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật số 25/2008/QH12, Luật BHYT.
28. Nguyễn Đình Đầu. Giới thiệu một số bản đồ cổ thêm lục địa và hải đảo Việt Nam. http://www.viet-studies.info/kinhte/BienDong_NguyenDinhDau.htm;
29. Trần Đức Anh Sơn. Phát hiện 56 bản đồ cổ phương Tây về Hoàng Sa của Việt Nam, 2012. <http://infonet.vn/Thoi-su/Du-luan/Phat-hien-56-ban-do-co-phuong-Tay-ve-Hoang-Sa-cua-Viet-Nam/25471.info>.

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA DƯỚI GÓC NHÌN...

(Tiếp theo trang 38)

15. Hân Nguyên. Những sử liệu chữ Hán minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua nhiều thế kỷ. Tập san Sử Địa (29), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1975, tr.115.
16. Nguyễn Nhã. Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Luận án tiến sĩ lịch sử, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2002;
17. Lăng Hồ. Hoàng Sa và Trường Sa, Lãnh thổ Việt Nam. Tập san Sử Địa (29), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1975, tr.95.
18. Sơn Hồng Đức. Thử khảo sát về quần đảo Hoàng Sa. Tập san Sử Địa số 29, Sài Gòn, 1975, tr.186.
23. The modern part of an Univesal History from the earliest Account of time (Vol VII), London, 1759, p.450.
24. George Leonard Staunton. An historical account of the Embassy to the Emperor of China, London, 1797, p.152.
25. Thomas Keith. A system of Geography. London, 1826, p.267-268.
26. Thái Văn Kiểm. Những sử liệu phương Tây minh chứng chủ quyền của Việt Nam và quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa từ thời Pháp thuộc đến nay. Tập san Sử Địa (29), Sài Gòn, 1975, tr.34.
27. Hoàng Xuân Hãn. Quần đảo Hoàng Sa. Tập san Sử Địa (29), 1975, tr.11.

CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY...

(Tiếp theo trang 45)

3. Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
5. UNPAN, *Administrative reform efforts in Japan: current experiences and successes*.
6. Toshiyuki Masujima, *Administrative reforms in Japan*, IPSA World Congress, Fukuoka, Japan,
7. Yuko Kaneko, *Government Reform in Japan*, Management and Coordination Agency Government of Japan.
8. UNCRD, *Japanese Administrative System*.